

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày 18 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu
khóa IV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU KHOÁ IV,
KỲ HỌP THỨ HAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày
20 tháng 11 năm 2015;*

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV hướng dẫn một số hoạt động của Hội
đồng nhân dân;*

*Xét đề nghị của Thường trực HĐND thành phố tại Tờ trình số 06/TTr-
HĐND ngày 11/8/2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân
dân thành phố Lai Châu khóa IV, nhiệm kỳ 2021 – 2026; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của
HĐND thành phố khóa IV, nhiệm kỳ 2021 – 2026 (Có Quy chế kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao Thường trực Hội đồng nhân
dân, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, các đại biểu HĐND thành phố và các
cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu khoá IV, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 18 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND; UBMTTQ thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng HĐND-UBND thành phố;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giảng Thị Xoa

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu

khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 27/NQ-HĐND, ngày 18/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định chi tiết hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026.

b) Các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số; đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố

1. Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026 gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố do cử tri thành phố bầu ra. Hội đồng nhân dân thành phố có Thường trực Hội đồng nhân dân (*gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố*); các Ban của Hội đồng nhân dân (*Ban Kinh tế - Xã hội, Ban Pháp chế*) và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân thành phố. Khi Hội đồng nhân dân thành phố hết nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng nhân dân thành phố khóa mới bầu ra Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố khóa mới.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, TỔ ĐẠI BIỂU VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Mục 1

Hội đồng nhân dân thành phố

Điều 4. Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố

1. Hội đồng nhân dân thành phố mỗi năm tổ chức hai kỳ họp thường lệ và các kỳ họp chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi cần thiết.

a) Hội đồng nhân dân thành phố quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân thành phố đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp thường lệ cuối năm của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Hội đồng nhân dân thành phố họp chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu.

c) Hội đồng nhân dân thành phố họp công khai theo hình thức hội nghị hoặc trực tuyến. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thì Hội đồng nhân dân thành phố quyết định họp kín.

2. Chương trình kỳ họp

a) Chương trình kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố dự kiến. Chương trình kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố khóa trước dự kiến. Các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố khóa trước thẩm tra các nội dung trong dự kiến chương trình kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân thành phố khóa mới, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố khóa trước để xem xét tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân thành phố khóa mới; dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

b) Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chương trình kỳ họp bằng hình thức biểu quyết giơ tay. Chương trình kỳ họp được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết tán thành. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố quyết định sửa đổi, bổ sung chương trình kỳ họp đã được thông qua.

3. Khách mời tham dự kỳ họp thực hiện theo quy định tại Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

4. Trách nhiệm của chủ tọa phiên họp

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khai mạc và bế mạc kỳ họp, chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân thành phố, bảo đảm thực hiện chương trình kỳ họp và những quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khai mạc và bế mạc kỳ họp, chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân thành phố theo sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân thành phố, người tiến hành triệu tập kỳ họp khai mạc kỳ họp và chủ tọa các phiên họp Hội đồng nhân dân thành phố cho đến khi Hội đồng nhân dân thành phố bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố khóa mới.

b) Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp của Hội đồng nhân dân thành phố hoặc phiên họp thảo luận tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

c) Điều hành phiên thảo luận bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, bình đẳng; dành thời gian thỏa đáng cho hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp.

d) Chỉ đạo tổng hợp ý kiến thảo luận trong các phiên họp của đại biểu tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

đ) Chỉ đạo các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được phân công thẩm tra chủ trì, phối hợp với phòng Tư pháp, cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án báo cáo chủ tọa trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

e) Điều hành thông qua các nghị quyết.

5. Thảo luận Tổ đại biểu trước, trong kỳ họp

a) Trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng các Tổ đại biểu tổ chức cho đại biểu nghiên cứu tài liệu, định hướng những vấn đề cần tập trung thảo luận, cho ý kiến xem xét, quyết định, đề xuất nội dung chất vấn; tổng hợp báo cáo kết quả họp Tổ về Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Tại kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định việc chia tổ thảo luận và chỉ định Tổ trưởng, thư ký tổ thảo luận. Tổ trưởng các Tổ thảo luận nêu những vấn đề cần tập trung thảo luận theo nội dung gợi ý của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trước khi đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận.

Nội dung thảo luận được Tổ trưởng và Thư ký tổng hợp và lựa chọn một số nội dung được nhiều đại biểu quan tâm để đề xuất thảo luận tại hội trường gửi Chủ tọa kỳ họp sau khi kết thúc thảo luận.

6. Thảo luận tại phiên họp toàn thể

a) Chủ tọa phiên họp điều hành thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và được tiến hành như sau:

Đại biểu đăng ký nội dung phát biểu, Chủ tọa phiên họp mời đại biểu phát biểu; đại biểu phát biểu tập trung vào vấn đề cần tập trung thảo luận theo định hướng của chủ tọa; thời gian phát biểu không quá 10 phút/đại biểu/lần phát biểu thứ nhất và không quá 7 phút/đại biểu/lần phát biểu tiếp theo.

Trường hợp đại biểu đã đăng ký nhưng chưa được phát biểu hoặc phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì ghi lại ý kiến của mình và gửi Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

b) Trong quá trình thảo luận, Chủ tọa kỳ họp có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định. Khi cần thiết, chủ tọa yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu quan tâm.

7. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án tại kỳ họp

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình tờ trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Đại diện Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được giao nhiệm vụ thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra.

c) Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận. Trước khi thảo luận, Hội đồng nhân dân thành phố có thể chia tổ thảo luận ở Tổ đại biểu về dự thảo nghị quyết,

báo cáo, đề án. Trong quá trình thảo luận tại phiên toàn thể, chủ tọa có thể nêu những vấn đề có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định. Khi thấy cần thiết chủ tọa yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề đại biểu quan tâm.

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo giải trình về các nội dung khác nhau giữa cơ quan, tổ chức trình và ý kiến của các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố quan tâm.

đ) Thư ký kỳ họp trình bày dự thảo nghị quyết.

8. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể

a) Hội đồng nhân dân thành phố quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố không được biểu quyết thay cho đại biểu Hội đồng nhân dân khác.

b) Hội đồng nhân dân thành phố quyết định áp dụng biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.

c) Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua nghị quyết, báo cáo, đề án, biểu quyết toàn văn nghị quyết hoặc từng nội dung nghị quyết do chủ tọa xem xét, quyết định.

đ) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố được thông qua có giá trị ban hành khi quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết tán thành.

9. Hội đồng nhân dân thành phố lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân thành phố bầu thực hiện theo quy định tại Điều 88, Điều 89, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

10. Hội đồng nhân dân thành phố xem xét báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thực hiện theo quy định tại Điều 90 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

11. Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố

a) Thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố do Văn phòng HĐND-UBND thành phố thực hiện.

b) Thư ký kỳ họp có nhiệm vụ: Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp; ghi biên bản phiên họp, kỳ họp; tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp

thông tin, tài liệu, tổng hợp nội dung chất vấn và các nội dung khác phát sinh tại kỳ họp; thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

12. Tài liệu lưu hành tại kỳ họp

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định những tài liệu được lưu hành tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố phải được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp; riêng hồ sơ dự thảo nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật phải được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

c) Tài liệu kỳ họp được gửi đến đại biểu bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

13. Sau kỳ họp của Hội đồng nhân dân thành phố

a) Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được phân công thẩm tra dự thảo nghị quyết có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND rà soát, hoàn chỉnh các nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, trình Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố thẩm định, trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố ký chứng thực.

b) Thư ký kỳ họp hoàn thiện biên bản kỳ họp; Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành thông báo kết quả tổ chức kỳ họp gửi đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định để đại biểu báo cáo kết quả kỳ họp với cử tri.

c) Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành văn bản đôn đốc người trả lời chất vấn tại kỳ họp thực hiện các giải pháp, lời hứa nêu trong nội dung trả lời chất vấn và phân công các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các nội dung trả lời chất vấn theo lĩnh vực phụ trách.

đ) Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức họp liên tịch với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các cơ quan hữu quan để đánh giá công tác chuẩn bị, tổ chức, phục vụ kỳ họp, triển khai thực hiện Nghị quyết; thống nhất nội dung, dự kiến thời gian tổ chức kỳ họp tiếp theo của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 5. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố

1. Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của HĐND, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi

hành án dân sự thành phố; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng nhân dân thành phố tiến hành giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ở địa phương. Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo về hoạt động giám sát trước cử tri địa phương thông qua phương tiện thông tin đại chúng và hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện quyền giám sát của mình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố và trên cơ sở hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Hội đồng nhân dân thành phố quyết định nội dung giám sát theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và cử tri ở địa phương gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận và dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo quy định.

4. Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a) Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố;

b) Xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố;

c) Xem xét văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố có dấu hiệu trái với Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố;

d) Xem xét trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố;

đ) Thành lập Đoàn giám sát về một vấn đề nhất định khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát.

5. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện theo quy định từ Điều 57 đến Điều 65 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015.

6. Căn cứ vào kết quả giám sát, Hội đồng nhân dân thành phố có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản để thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trái với Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố;

c) Ra nghị quyết về trả lời chất vấn và trách nhiệm của người trả lời chất vấn khi xét thấy cần thiết;

d) Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố.

Mục 2

Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động, hình thức làm việc

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân thành phố, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật; Quy chế Hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố; hoạt động thường xuyên, theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tổ chức các hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện theo Chương trình làm việc hằng tháng, năm. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Chương trình công tác năm sau. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố được ủy quyền thừa lệnh ký thông báo Chương trình công tác hằng tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố được ủy quyền là người phát ngôn của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, có trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin về chương trình, nội dung phiên họp công khai và các hoạt động khác của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

5. Hình thức làm việc

a) Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;

b) Cuộc họp, hội nghị do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức;

c) Cho ý kiến bằng văn bản;

d) Lãnh đạo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thường xuyên hội ý, trao đổi để giải quyết các công việc đột xuất, phát sinh. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố hoặc phiên họp chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định tổ chức cuộc họp, hội nghị theo Chương trình công tác hoặc theo đề nghị của các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định nội dung xin ý kiến thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố bằng văn bản khi thấy cần thiết.

Điều 7. Chuẩn bị nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố

1. Họp liên tịch thống nhất thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp

Chậm nhất là 45 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì tổ chức họp liên tịch với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các cơ quan liên quan để thống nhất dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp và giao các cơ quan chuẩn bị nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 80 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

3. Thông báo nội dung, chương trình kỳ họp

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất của Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thông báo nội dung, chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Chuẩn bị tài liệu kỳ họp

a) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan liên quan chuẩn bị và gửi báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp đúng thời gian quy định.

Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, các báo cáo, dự thảo nghị quyết, đề án phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Đối với những dự thảo nghị quyết có tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất thời gian gửi hồ sơ dự thảo đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố sớm hơn. Trường hợp các báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết gửi chậm thời gian quy định, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố có quyền từ chối thẩm tra và báo cáo đề kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của Thường trực Hội đồng nhân

dân thành phố thực hiện giám sát, khảo sát, thẩm tra và chuẩn bị báo cáo trình kỳ họp.

c) Báo cáo thẩm tra các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp; riêng báo cáo thẩm tra các dự thảo nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Điều 8. Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tham dự.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố được Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố ủy quyền chủ tọa phiên họp.

3. Trong các phiên họp Thường kỳ hoặc đột xuất, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố có thể yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố hoặc trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định tại Điều 69, Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015.

4. Thành phần dự họp

a) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; trường hợp không thể dự phiên họp phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Thành phần mời dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố được quy định tại khoản 5, 6, 7 Điều 106, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

5. Chuẩn bị nội dung, tài liệu phiên họp

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung phiên họp, phân công thẩm tra các nội dung trình tại phiên họp. Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chuẩn bị nội dung được Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố phân công.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, tổ chức hữu quan chuẩn bị các báo cáo, đề án, tờ trình và dự thảo nghị quyết thuộc nội dung chương trình phiên họp hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

c) Tài liệu phiên họp được gửi đến thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố và các thành phần mời tham dự phiên họp chậm nhất 03 ngày trước ngày tổ chức phiên họp cùng giấy mời dự phiên họp. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ủy quyền cho Chánh Văn phòng thừa lệnh Thường trực Hội đồng nhân dân ký giấy mời dự phiên họp.

6. Biểu quyết tại phiên họp

a) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định áp dụng hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết bằng giơ tay.

b) Nội dung biểu quyết được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố dự phiên họp tán thành.

c) Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua thì Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thảo luận tập thể và Chủ tọa phiên họp quyết định việc biểu quyết lại.

7. Thông báo kết luận và ghi biên bản phiên họp

a) Trên cơ sở phát biểu kết luận của Chủ tọa phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ủy quyền cho Chánh Văn phòng thừa lệnh ký thông báo kết luận phiên họp. Thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố được gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện.

b) Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố được ghi biên bản, biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa phiên họp và người ghi biên bản.

8. Các cuộc họp, hội nghị khác của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

a) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức hội nghị để triển khai hoặc tổng kết việc thi hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; tổ chức hội nghị chuyên đề, hội nghị phối hợp công tác với các cơ quan, tổ chức hữu quan và hội nghị khác để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

b) Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì cuộc họp với các cơ quan, tổ chức hữu quan để triển khai nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố phải có lịch tiếp công dân. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố phải bố trí thời gian 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân.

Điều 10. Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

1. Thẩm quyền giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự thành phố và Hội đồng nhân dân cấp xã; giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã; giúp Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện quyền giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân dân thành phố. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tiến hành giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ở địa phương.

2. Các hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

a) Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

c) Giám sát chuyên đề.

d) Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

đ) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

e) Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

3. Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

a) Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị giám sát đưa vào chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Đề nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Chương trình giám sát hằng năm được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của Hội đồng nhân dân thành phố.

c) Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện một số nội dung thuộc chương trình và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân khi cần thiết.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của mình với Hội đồng nhân dân thành phố vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

đ) Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện theo quy định từ Điều 68 đến Điều 75 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 11. Hoạt động khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố căn cứ vào tình hình thực tế tiến hành khảo sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, quản lý, sử dụng ngân sách, thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư công... và việc giải quyết kiến nghị của cử tri, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

2. Tổ chức khảo sát

a) Căn cứ vào chương trình công tác, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hình thức khảo sát và thành lập Đoàn khảo sát.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn khảo sát

Thông báo chương trình, thành phần Đoàn khảo sát, nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi Đoàn đến khảo sát; thực hiện đúng nội dung, kế hoạch khảo sát;

Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi Đoàn đến khảo sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung khảo sát, giải trình vấn đề mà Đoàn quan tâm;

Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động khảo sát, Đoàn khảo sát hoàn thành báo cáo kết quả khảo sát.

Điều 12. Các hoạt động khác của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

1. Tổ chức tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri

a) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri trước, sau các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thường lệ

Chậm nhất 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

thành phố và Tổ đại biểu tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, thông báo dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

Chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tổng hợp, báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

Chậm nhất 25 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan gửi báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

c) Tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thường lệ

Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Tổ đại biểu tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tiếp xúc cử tri để đại biểu báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và vận động Nhân dân thực hiện nghị quyết đó.

Chậm nhất 25 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp thường lệ, Tổ trưởng Tổ đại biểu tổng hợp, báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

Chậm nhất 30 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

Chậm nhất 40 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp thường lệ, Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan gửi báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

d) Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố gửi các nghị quyết, Thông báo kết quả kỳ họp đến đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thành phố; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường để tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn thành phố.

đ) Giữa hai kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm bố trí thời gian tiếp xúc cử tri, lắng nghe, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri nơi cư trú, nơi làm việc hoặc theo chuyên đề; tổng hợp, báo cáo kết quả tiếp xúc về

Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động tiếp xúc cử tri.

2. Hoạt động tiếp nhận, xử lý đơn kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 759/2014/UBTVQH13 ngày 15/5/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Quyết định chương trình ban hành nghị quyết hằng năm của Hội đồng nhân dân thành phố

a) Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, chủ trương, nghị quyết của Thành ủy và yêu cầu thực tiễn tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, quyết định.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét đề nghị xây dựng nghị quyết của Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan liên quan.

d) Việc xây dựng dự thảo nghị quyết, hồ sơ dự thảo nghị quyết thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan.

4. Đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan nhà nước khác ở địa phương thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố

a) Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

c) Khi phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cơ quan nhà nước hữu quan ở địa phương áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố

a) Phân công các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Phân công các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố giám sát Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

c) Phân công các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

d) Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố; yêu cầu các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh kế hoạch giám sát của Ban, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp.

đ) Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và đôn đốc hoạt động của các Ban.

6. Theo dõi, hướng dẫn và nâng cao chất lượng hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân các xã, phường.

a) Giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố để báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Sao gửi các hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân cho Hội đồng nhân dân các xã, phường; xem xét báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân các xã, phường.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức các Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố và Hội đồng nhân dân xã, phường.

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn về kỹ năng hoạt động cho các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường.

đ) Tổ chức trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân các huyện trong tỉnh, với các huyện, thành phố

thuộc các tỉnh khác trong khu vực hoặc cả nước để nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố.

Mục 3

Ban của Hội đồng nhân dân thành phố

Điều 13. Nguyên tắc hoạt động, hình thức làm việc

1. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân thành phố, chịu sự chỉ đạo, điều hòa, phối hợp của Thường trực HĐND thành phố trong thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Trước mỗi kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân thành phố, Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức họp Ban để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cho thời gian tiếp theo và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban; khi cần thiết, Ban có thể họp đột xuất, ngày họp, nơi họp do Trưởng Ban quyết định. Các thành viên Ban chấp hành sự phân công của Trưởng ban; có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp Ban, các cuộc giám sát, khảo sát của Ban khi được phân công.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan với các Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã.

4. Hằng năm, cuối nhiệm kỳ Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động của Ban; đánh giá hoạt động của các thành viên Ban và báo cáo kết quả về Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 14. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án

1. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban của Hội đồng nhân dân thành phố cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.

2. Việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án được thực hiện theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;
- c) Các thành viên của Ban thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;

đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân biểu quyết khi thấy cần thiết.

3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đối với các dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật, ngoài nội dung trên, báo cáo thẩm tra cần đánh giá sự cần thiết ban hành nghị quyết; tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật.

Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của cơ quan thẩm tra về các nội dung thẩm tra và đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, phương án xử lý của cơ quan chủ trì thẩm tra đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

Điều 15. Hoạt động giám sát, khảo sát

1. Thẩm quyền giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố

Ban của Hội đồng nhân dân thành phố giúp Hội đồng nhân dân thành phố giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự thành phố; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Ban phụ trách. Khi xét thấy cần thiết, Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tiến hành giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác ở địa phương. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Các hoạt động giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân thành phố.

a) Thẩm tra các báo cáo do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công.

b) Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp.

c) Giám sát chuyên đề.

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

3. Chương trình giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân thành phố

a) Chương trình giám sát hằng năm của Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được xem xét, quyết định vào cuối năm trước. Trưởng Ban tổ chức thực hiện chương trình giám sát; trường hợp cần thiết, chương trình giám sát có thể được điều chỉnh.

b) Hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện theo quy định từ Điều 78 đến Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015.

4. Hoạt động khảo sát

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và chương trình công tác, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định nội dung, hình thức khảo sát và thành lập Đoàn khảo sát.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn khảo sát thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 11 Quy chế này.

Mục 4

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

Điều 16. Nguyên tắc hoạt động, hình thức làm việc

1. Các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố. Số lượng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân là cơ sở xác nhận tính pháp lý của văn bản do Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân ban hành.

3. Trước mỗi kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức họp Tổ để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Tổ, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp cho thời gian tiếp theo và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Tổ; nghiên cứu, thảo luận về các nội dung, chương trình kỳ họp và các nội dung có liên quan.

Thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu.

Báo cáo, biên bản cuộc họp Tổ gửi Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trước ngày khai mạc kỳ họp.

4. Hằng năm, cuối nhiệm kỳ, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động của Tổ; nhận xét, đánh giá hoạt động của các thành viên Tổ và báo cáo kết quả về Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 17. Hoạt động giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu

1. Tổ đại biểu giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa phương và nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố hoặc về vấn đề do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phân công.

2. Căn cứ vào chương trình giám sát, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện hoạt động giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân

dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố hoặc chủ động thực hiện giám sát theo thẩm quyền. Trường hợp Tổ đại biểu giám sát theo thẩm quyền thì Tổ trưởng Tổ đại biểu quyết định đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch và thành phần tham gia giám sát của Tổ đại biểu.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình, báo cáo về hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong Tổ với Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

4. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu được thực hiện theo quy định từ Điều 83 đến Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015.

5. Hoạt động khảo sát

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và chương trình công tác, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố quyết định nội dung, hình thức khảo sát và thành lập Đoàn khảo sát.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn khảo sát thực hiện quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 11 Quy chế này.

Mục 5

Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

Điều 18. Trách nhiệm của đại biểu

1. Trách nhiệm tham dự kỳ họp

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân thành phố, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải báo cáo với Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phải báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm thực hiện quy định về sử dụng, bảo quản tài liệu trong kỳ họp; không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của Hội đồng nhân dân thành phố.

d) Khi đi họp, đại biểu mang theo tài liệu đã được gửi trước và nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị nội dung và tham gia ý kiến tại kỳ họp. Đại biểu ngồi đúng vị trí quy định và đeo phù hiệu khi tham dự kỳ họp.

2. Trách nhiệm tiếp xúc cử tri

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thường xuyên liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử

tri và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân nơi mình là đại biểu, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

b) Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Trách nhiệm tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

b) Khi nhận được đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết; đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết của người có thẩm quyền. Người có thẩm quyền giải quyết phải thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân trong thời hạn do pháp luật quy định.

c) Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đúng pháp luật, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại, khi cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân và được tính vào thời gian làm việc của đại biểu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc có trách nhiệm sắp xếp công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố làm nhiệm vụ.

Điều 19. Quyền của đại biểu

1. Quyền chất vấn

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố.

b) Trong thời gian Hội đồng nhân dân thành phố họp, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố gửi chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố. Người bị chất vấn phải trả lời câu hỏi chất vấn của đại biểu tại kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố. Trong trường hợp cần điều tra, xác minh thì Hội đồng nhân dân thành phố có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau của Hội đồng nhân

dân thành phố hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

c) Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố để chuyển đến người bị chất vấn và quyết định thời hạn trả lời chất vấn.

2. Các quyền kiến nghị của đại biểu; quyền của đại biểu khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật; quyền yêu cầu cung cấp thông tin; quyền miễn trừ của đại biểu được thực hiện theo quy định tại các Điều 97, 98, 99, 100 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Điều 20. Thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và khoản 28, Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Điều 21. Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 102 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015.

Điều 22. Hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thành viên khác của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở địa phương. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình trước cử tri tại địa phương thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri.

2. Hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện theo quy định từ Điều 83 đến Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Chương III

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 23. Quan hệ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại thành phố

1. Hội đồng nhân dân thành phố chịu sự hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chịu sự giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, sự phối hợp tham gia, tổ chức các cuộc giám sát, khảo sát, hội nghị, hội thảo, các buổi làm việc trên địa bàn thành phố theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại thành phố trong tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát, tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 24. Quan hệ với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân thành phố trong việc thực hiện nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố, giải quyết kiến nghị của cử tri, kiến nghị sau giám sát, khảo sát, chất vấn và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo luật định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố được mời dự các phiên họp của Ủy ban nhân dân thành phố bàn về việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ khác liên quan đến Hội đồng nhân dân thành phố và các cuộc họp tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác theo quy định.

a) Tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thông báo về hoạt động của Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền, những ý kiến, kiến nghị của Mặt trận đối với Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và Tổ trưởng các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng của cử tri để báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố xây dựng và thống nhất ký kết Quy chế phối hợp công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 25. Quan hệ với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

1. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chủ trì phối hợp với Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố tổ chức hội nghị toàn thể Hội thẩm bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm.

2. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố cử lãnh đạo tham gia các hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố khi được mời.

3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Chi cục thi hành án dân sự thành phố mời Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân thành phố phụ trách lĩnh vực dự hội nghị tổng kết, triển khai kế hoạch của ngành hằng năm.

Điều 26. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh công tác tại địa bàn thành phố.

3. Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố, cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban của Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu.

Điều 27. Phối hợp hoạt động với Hội đồng nhân dân các xã, phường

Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, phường.

2. Mời Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, phường tham gia phối hợp trong các hoạt động giám sát, khảo sát, làm việc tại các địa phương.

3. Thông báo kết quả giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân thành phố về các vấn đề có liên quan đến các xã, phường; trao đổi thông tin và đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Theo dõi, tổng hợp các nội dung trong báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Các nghị quyết Hội đồng nhân dân xã, phường;

b) Biên bản, tài liệu tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, phường;

c) Các báo cáo về tình hình hoạt động Hội đồng nhân dân xã, phường hàng tháng, quý, 6 tháng, năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 28. Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Về tiền lương

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động chuyên trách được trả lương, phụ cấp và các chế độ khác từ ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động không chuyên trách được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc chi trả.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động không chuyên trách không hưởng lương (*kể cả người hưởng lương hưu*) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo quy định trong những ngày làm việc thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Về hoạt động phí

Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được cấp hoạt động phí hàng tháng theo quy định hiện hành.

3. Các chế độ, chính sách khác

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng: Hàng năm Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố gửi về các cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố công tác để xem xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cùng với kết quả công tác của đại biểu nơi công tác, cư trú.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được hưởng chế độ công tác phí khi tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát; được hỗ trợ may lễ phục; nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu; được cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

Điều 29. Các điều kiện bảo đảm hoạt động

Ngoài các chế độ chính sách nêu tại Điều 28 Quy chế này, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được bảo đảm hoạt động như sau:

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố hoạt động chuyên trách được bảo đảm chỗ làm việc, trang thiết bị văn phòng theo quy định của Chính phủ. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được trang cấp thiết bị, phương tiện để phục vụ hoạt động của đại biểu.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố được cung cấp báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Văn phòng HĐND-UBND thành phố tham mưu, giúp việc, tổ chức phục vụ và bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

4. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố do ngân sách địa phương đảm bảo; Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố tổ chức, quản lý kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định và báo cáo lãnh đạo Thường trực Hội đồng thành phố hàng quý. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đôn đốc, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực UBMTTQVN thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố giúp Hội đồng nhân dân thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố theo dõi việc thực hiện quy chế, đề xuất sửa đổi, bổ sung khi cần thiết. Cuối nhiệm kỳ tham mưu tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quy chế./.